

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2021

Số: 351/QĐ-ĐHSPTDTHN

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TĐTT HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 4145/QĐ-BGDĐT ngày 07/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Giáo dục học;

Theo đề nghị của Trường Khoa Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 295/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 22/7/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng Khoa đào tạo sau đại học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGDĐT (để báo cáo);
- CTHĐT, BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, KĐT SĐH.



QUY CHẾ

Tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ của Trường Đại học sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 351 /QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 20 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Hà Nội)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng trong phạm vi Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội (sau đây viết tắt là Trường); các đơn vị, cá nhân tham gia vào quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Quy chế này quy định chi tiết về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ áp dụng tại Trường.

3. Quy chế này không áp dụng đối với việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo những chương trình ở trình độ tiến sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng (bao gồm cả các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định về hợp tác và đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục)

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo ở trình độ tiến sĩ do Nhà trường xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học;

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Khung trình độ quốc gia).

2. Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

3. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

a) Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên

cứu, thủ trưởng cơ sở đào tạo xác định số học phần và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung.

b) Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt chuẩn đầu ra bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

4. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

a) Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

b) Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

c) Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 06 học phần đến 09 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 14 tín chỉ đến 20 tín chỉ, trong đó tiểu luận tổng quan và 02 hoặc 03 chuyên đề tiến sĩ do Hiệu trưởng ban hành là những học phần bắt buộc.

5. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

6. Cơ sở đào tạo được sử dụng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài theo quy định tại khoản 1, Điều 36 Luật giáo dục đại học năm 2012, đã được sửa hướng dẫn bởi Điều 4, Nghị định 141/2013/NĐ-CP về chương trình đào tạo và hình thức đào tạo.

Điều 3. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ tại Trường là 03 năm (36 tháng) đối với ứng viên có bằng thạc sĩ; 04 năm (48 tháng) đối với ứng viên có bằng Đại học. Mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (theo mẫu tại Phụ lục I).

2. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày Trường ban hành quyết định công nhận trúng tuyển và có

hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục hồ sơ, trình luận án cho Trường đề nghị được đánh giá luận án Tiến sĩ cấp cơ sở.

3. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian

Điều 4. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả chính hoặc đồng tác giả của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi là tác giả chính)

Điều 5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Trường hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Trường với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo quy chế của Trường và theo quy định pháp luật liên quan.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của nghiên cứu sinh; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Đề xuất để nghiên cứu sinh được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của Trường;

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy chế của Trường.

CHƯƠNG II

TUYỂN SINH

Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên với ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

Trường hợp bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo Quyết định số 01/VBHN-BGDĐT ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho nghiên cứu sinh toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề

thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Trường quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 8. Tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh

1. Tuyển sinh

a) Số lần tuyển sinh trong năm: tổ chức từ 1 đến 2 lần/năm. Hiệu trưởng Nhà trường quyết định số lần tuyển sinh trong năm tùy theo số lượng dự tuyển và chỉ tiêu đào tạo nghiên cứu sinh đã được xác định.

b) Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

Trong trường hợp không tổ chức tuyển sinh trực tiếp tại Trường, Trường sẽ tổ chức tuyển sinh theo hình thức trực tuyến khi đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp. Trường bảo đảm đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển.

Việc xét tuyển nghiên cứu sinh được tiến hành thông qua đánh giá hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; đề cương nghiên cứu; ý kiến nhận xét và ủng hộ thí sinh của người giới thiệu.

c) Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tổ chức tuyển sinh, trong đó bao gồm những thông tin về đối tượng và điều kiện dự tuyển; ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thể dục thể thao; chỉ tiêu tuyển sinh; hồ sơ dự tuyển, kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học; học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có) và những thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo và theo Quy định của Trường.

d) Trong quá trình tổ chức tuyển sinh, Trường thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, giám sát nội bộ; đảm bảo việc lưu trữ phục vụ công tác quản lý, thẩm định, giám sát, thanh tra và kiểm tra; có chế tài xử lý đối với tập thể, đơn vị, cá nhân có vi phạm liên quan đến hoạt động tổ chức tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh theo quy định của pháp luật.

2. Công nhận nghiên cứu sinh: Quyết định công nhận nghiên cứu sinh phải có đầy đủ thông tin bao gồm: tên nghiên cứu sinh, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến,

người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý nghiên cứu sinh, thời gian đào tạo kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

3. Hội đồng tuyển sinh

a) Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên.

- Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền.

- Phó chủ tịch: các Phó Hiệu trưởng.

- Ủy viên thường trực: Trường hoặc Phó Khoa Đào tạo sau đại học.

- Các ủy viên: Trường hoặc Phó phòng, Khoa chức năng có liên quan.

Người có vợ/chồng, người thân của vợ/chồng (cha, mẹ, vợ/chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh gồm: thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật; báo cáo kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

- Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh;

- Quyết định toàn bộ các công tác liên quan đến tuyển sinh; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, chọn được thí sinh có năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch đào tạo và các hướng nghiên cứu của cơ sở đào tạo;

- Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

4. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

a) Thành phần Ban Thư ký gồm: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các ủy viên.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký:

- Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển;

- Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh;

- Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;

- Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển.

c) Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

5. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh

a) Căn cứ hồ sơ dự tuyển, ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, trưởng Khoa

đào tạo sau đại học đề xuất thành lập tiểu ban chuyên môn và thành viên của tiểu ban trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

b) Tiểu ban chuyên môn có 05 người có trình độ tiến sĩ trở lên (nếu trình độ tiến sĩ thì phải có tối thiểu 03 năm công tác trong lĩnh vực kể từ khi có quyết định cấp bằng), am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là cán bộ khoa học, giảng viên trong trường hoặc ngoài trường do Hiệu trưởng Nhà trường mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có: Trưởng tiểu ban, thư ký và các thành viên.

c) Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, đề cương nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh đề cương nghiên cứu của thí sinh, xếp loại các thí sinh trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên hoặc không trúng tuyển; gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

d) Quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng tiểu ban chuyên môn:

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về toàn bộ nội dung tuyển sinh có liên quan tới nhiệm vụ của Tiểu ban;

- Lập kế hoạch đánh giá đề cương chi tiết, phân công ủy viên trong tiểu ban chuyên môn đọc và nhận xét bằng văn bản đối với toàn bộ hồ sơ của thí sinh;

- Chủ trì phiên họp của Tiểu ban đánh giá hồ sơ dự tuyển và chịu trách nhiệm về kết luận cũng như kiến nghị của phiên họp đánh giá xét tuyển của Tiểu ban;

- Kiến nghị Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thay đổi hoặc đình chỉ việc đánh giá hồ sơ dự tuyển, đề cương nghiên cứu đối với những ủy viên thiếu trách nhiệm, vi phạm Quy chế.

6. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

a) Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng đề cương nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong thư giới thiệu.

b) Thí sinh trình bày đề cương dự định nghiên cứu trước Tiểu ban chuyên môn, cụ thể về các nội dung: Tên đề tài dự định nghiên cứu; Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu; Mục đích, mục tiêu nghiên cứu của đề tài; Giả thuyết khoa học của đề tài; Tổng quan về vấn đề nghiên cứu; Đối tượng, phương pháp và tổ chức nghiên cứu: Đối tượng và phạm vi nghiên cứu, dự kiến phương pháp nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu: thời gian, kế hoạch nghiên cứu được trình bày cụ thể, chi tiết; Dự báo kết quả nghiên cứu; Dự kiến kết cấu của đề tài nghiên cứu.

c) Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: kiến thức chuyên môn, tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh.

d) Từng thành viên trong Tiểu ban chuyên môn căn cứ thang điểm đã xây dựng đánh giá thí sinh. Thư ký tiểu ban tổng hợp các ý kiến đánh giá và kết quả cho điểm của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh.

e) Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển, căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Nhà trường xác định và kết quả xếp loại các thí sinh, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

7. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

a) Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Khoa Đào tạo sau đại học gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh được trúng tuyển.

b) Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, hướng nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu (nếu đã xác định), người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh (thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh được tính từ ngày ghi trong quyết định công nhận nghiên cứu sinh).

CHƯƠNG III TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 9. Tổ chức hoạt động đào tạo

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này ở trụ sở của Trường, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở ngoài cơ sở theo quy định của Trường.

2. Trường tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

3. Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ phải được triển khai tại Trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội. Các môn học thuộc chương trình đào tạo do Khoa đào tạo sau đại học tổ chức thực hiện.

a) Đầu khóa học, Trường thông báo cho nghiên cứu sinh về quy định đào tạo, chương trình đào tạo, kế hoạch học tập toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần, kế hoạch kiểm tra, quy định về nội dung và hình thức đánh giá học phần, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ, điểm yêu cầu tối thiểu, quy trình và thủ tục bảo vệ luận án và các quy định khác có liên quan đến khóa học.

b) Nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần bổ sung và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ trong 12 tháng đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ và 24 tháng đối với nghiên cứu sinh có bằng đại học kể từ ngày trúng tuyển nghiên cứu sinh.

c) Tổ chức học tập các học phần ở trình độ tiến sĩ chủ yếu thực hiện thực hiện bằng cách phối hợp học tập trên lớp với tự học, tự nghiên cứu: giảng viên giảng dạy giới thiệu đề cương, nội dung chủ yếu của giáo trình, các tài liệu tham khảo, nghiên cứu sinh nghiên cứu lý thuyết, thực hành, bài tập, tiểu luận; giảng viên phụ trách và khoa đào tạo sau đại học tổ chức kiểm tra, thi đánh giá học phần.

d) Nghiên cứu sinh phải hoàn thành các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan trong 24 tháng kể từ ngày trúng tuyển nghiên cứu sinh:

Tiểu luận tổng quan do nghiên cứu sinh thực hiện dưới sự giúp đỡ của người hướng dẫn, bao gồm việc giới thiệu tổng quan, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án của các tác giả trong và ngoài nước, các yêu cầu cụ thể mà luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết. Nghiên cứu sinh phải hoàn thành 01 tiểu luận tổng quan;

Các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh dưới sự giúp đỡ người/giảng viên hướng dẫn chuyên đề; Nội dung của chuyên đề tiến sĩ là một phần nội dung nghiên cứu theo hướng đề tài luận án. Nghiên cứu sinh cần trình bày cụ thể về tình hình nghiên cứu, phương tiện, phương pháp nghiên cứu, các kết quả nghiên cứu, kết luận và đề xuất. Nghiên cứu sinh phải hoàn thành 02 chuyên đề tiến sĩ;

4. Đánh giá kết quả học tập các học phần

a) Hình thức và phương pháp đánh giá học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ được quy định trong đề cương chi tiết các học phần;

b) Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, được chấm theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân;

c) Học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ đạt yêu cầu khi có điểm học phần từ 6,5 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 6,5 thì nghiên cứu sinh phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

5. Đánh giá tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ

a) Việc đánh giá tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách chấm điểm bài trình bày của nghiên cứu sinh trước tiểu ban đánh giá.

b) Khoa đào tạo sau đại học đề xuất và trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ của từng nghiên cứu sinh, Hội đồng gồm 3 hoặc 5 thành viên (Chủ tịch hội đồng, thư ký và các ủy viên) có trình độ tiến sĩ trở lên, có ngành/chuyên ngành phù hợp, am hiểu về chuyên đề và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Thông qua báo cáo, tranh luận và trả lời câu hỏi, hội đồng sẽ cho điểm đánh giá các chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan. Điểm của các thành viên hội đồng được

chấm theo thang điểm 10, có số lẻ đến 0.5 điểm. Điểm đánh giá là trung bình cộng của các thành viên hội đồng tham gia buổi đánh giá, được tính đến 01 số lẻ thập phân

d) Chênh lệch về điểm giữa các thành viên hội đồng không được vượt quá 03 điểm hoặc không được vượt quá 02 điểm so với điểm trung bình cộng của hội đồng. Nếu xảy ra trường hợp này thì Chủ tịch hội đồng hội ý giữa các thành viên hội đồng thống nhất cách xử lý, trường hợp không thống nhất được, Chủ tịch hội đồng là người quyết định.

e) Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ đạt yêu cầu khi có điểm từ 7,0 trở lên. Nếu tiểu luận tổng quan hoặc các chuyên đề tiến sĩ nào dưới 7,0 thì nghiên cứu sinh phải đăng ký và báo cáo lại tiểu luận tổng quan hoặc các chuyên đề tiến sĩ đó.

Điều 10. Những thay đổi trong quá trình đào tạo:

1. Nghiên cứu sinh và người hướng dẫn được đề xuất với Trường về việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, thay đổi đơn vị chuyên môn phụ trách hoặc chuyển cơ sở đào tạo chỉ trong năm đầu của quá trình đào tạo. Việc đề xuất thay đổi bằng văn bản và phải kèm theo bản điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa đồng thời bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

Ngoài ra, Trường sẽ chỉ định bổ sung người hướng dẫn khoa học cho nghiên cứu sinh trong những trường hợp đặc biệt.

2. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Quy chế này;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của nghiên cứu sinh hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

c) Vi phạm quy định của Trường ở mức độ buộc thôi học.

Điều 11. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

a) Nghiên cứu sinh chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;

b) Nghiên cứu sinh đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của Trường đã theo học.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, bảo lưu kết quả đã tích lũy của nghiên cứu sinh phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện khi có văn bản đề nghị của nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học, Trường sẽ tổ chức họp hội đồng chuyên môn để xem xét quyết định. Đối với trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là nghiên cứu sinh mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo

Nghiên cứu sinh có quyền và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, 61 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật của Luật Giáo dục đại học năm 2018.

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và Khoa đào tạo sau đại học thông qua; Định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho Khoa đào tạo sau đại học;

3. Được đề đạt đề xin thay đổi hoặc điều chỉnh đề tài, người hướng dẫn, cơ sở đào tạo, thời gian đào tạo trong thời hạn cho phép; Đề xuất với người hướng dẫn, Khoa đào tạo sau đại học về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

4. Tham gia sinh hoạt khoa học tại Khoa đào tạo sau đại học như một nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công của người hướng dẫn.

5. Tuân thủ quy định của Trường về liêm chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có); Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

6. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

7. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy chế của Trường.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của Khoa đào tạo sau đại học

1. Khoa đào tạo sau đại học là đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu và tổ chức tuyển sinh hàng năm của Trường.

3. Tổ chức xây dựng, quản lý chương trình đào tạo, tài liệu giảng dạy, giáo trình; Theo dõi kế hoạch và tiến độ giảng dạy đối với giảng viên.

4. Trình Hiệu trưởng ra quyết định: công nhận nghiên cứu sinh, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn khoa học và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh; xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, gia hạn thời gian đào tạo, bảo vệ trước thời hạn, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho nghiên cứu sinh...

5. Xây dựng kế hoạch học tập các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ; thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc,

giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đào tạo của nghiên cứu sinh; Tổ chức lập thi và quản lý việc thi kết thúc các học phần; Làm thủ tục cấp giấy chứng nhận hoàn thành các học phần, bảng điểm học tập và chương trình đào tạo trình Hiệu trưởng.

6. Đề xuất cho nghiên cứu sinh tham gia sinh hoạt khoa học ở các phòng chuyên môn và hỗ trợ nghiên cứu sinh tham gia Hội thảo, gửi công bố kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước, chuẩn bị điều kiện cần thiết cho việc học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh.

7. Theo dõi, kiểm tra, xác nhận khối lượng giảng dạy, hợp đồng và thanh lý hợp đồng giảng dạy các học phần, chuyên đề, tiểu luận tổng quan và hướng dẫn luận án tiến sĩ theo quy định.

8. Xét duyệt hồ sơ xin bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở (sau khi nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo) và đề xuất với Hiệu trưởng về thành phần Hội đồng đánh giá luận án ở cấp cơ sở để Hiệu trưởng ra quyết định; làm quy trình phản biện độc lập, đề nghị cho nghiên cứu sinh đánh giá luận án tiến sĩ của Trường.

9. Chuẩn bị hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ và trình Hiệu trưởng cấp bằng tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành.

10. Chuẩn bị hồ sơ thẩm định: Chất lượng luận án hoặc Hồ sơ quá trình đào tạo theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ của Trường.

12. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy chế của Trường.

CHƯƠNG V

ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 14. Đánh giá luận án ở cấp cơ sở

1. Luận án tiến sĩ phải do nghiên cứu sinh thực hiện, đáp ứng được những mục tiêu và yêu cầu quy định tại Khoản 5 Điều 3 của Quy định này. Luận án phải có phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, có những đóng góp mới về mặt học thuật, phải chứng tỏ tác giả đã đạt được những mục tiêu và yêu cầu về kiến thức và phương pháp nghiên cứu khoa học, có đóng góp mới có giá trị trong lĩnh vực khoa học chuyên ngành, thể hiện khả năng độc lập, sáng tạo nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình.

Luận án tiến sĩ tối thiểu 100 trang và tối đa 150 trang A4, không bao gồm phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Cấu trúc luận án tiến sĩ, hình thức, cách trình bày luận án, quy định trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo (theo mẫu tại Phụ lục V).

Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Việc đánh giá luận án cấp cơ sở được tổ chức khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ những yêu cầu sau:

a) Đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ;

b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ;

c) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;

d) Yêu cầu tại điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực thể dục, thể thao; có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

3. Việc đánh giá luận án ở cấp cơ sở là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường; các thành viên của đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

4. Yêu cầu đối với nghiên cứu sinh trước khi tiến hành bảo vệ luận án cấp cơ sở:

Nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Khoản 2 này; Có giấy xác nhận của cán bộ hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ; Đóng học phí và có xác nhận đóng học phí của Phòng Kế hoạch tài chính; Cung cấp số liệu gốc, giấy xác nhận số liệu điều tra, sử dụng số liệu của cơ sở điều tra, thực nghiệm.

5. Tổ chức đánh giá luận án ở cấp Cơ sở

a) Sau khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này, Trường Khoa đào tạo sau đại học đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở.

b) Khoa đào tạo sau đại học tổ chức họp hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở theo đúng quy định. Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở gồm:

- 07 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có sự tham gia của các nhà khoa học ở trong và ngoài Trường (có ít nhất 02 nhà khoa học ngoài cơ sở đào tạo, trong đó có ít nhất 01 người phản biện luận án).

- Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng chuyên ngành với luận án. Nhiệm vụ của chủ tịch Hội đồng là điều hành buổi đánh giá luận án, tổng hợp các ý kiến của các thành viên và nhà khoa học, đưa ra quan điểm về chất lượng luận án; Tổ chức thảo luận, trao đổi với các thành viên hội đồng về kết luận của Hội đồng về luận án; Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng. Kết luận của Hội đồng cần khẳng định: Tên đề tài luận án có phù hợp với nội dung và mã số chuyên ngành, có trùng lặp về đề tài và nội dung với các luận án đã bảo vệ hay không. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài; Những kết quả mới đã đạt được; Những thiếu sót của luận án, vấn đề cần bổ sung, sửa chữa; Mức độ đáp ứng yêu cầu của luận án tiến sĩ cả về nội dung và hình thức theo quy định; Tổ chức bỏ phiếu đánh giá luận án.

Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với nghiên cứu sinh. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án, phải chỉ ra có sự trùng lặp của luận án với các công trình nghiên cứu đã công bố, đánh giá những ưu nhược điểm của luận án và định hướng sửa chữa.

Ủy viên thư ký là cán bộ cơ hữu của Trường, là người có cùng chuyên ngành với đề tài luận án và hiểu biết các thủ tục bảo vệ luận án, có nhiệm vụ kiểm tra và chịu trách nhiệm về các hồ sơ của nghiên cứu sinh; Có nhiệm vụ nhận và kiểm tra hồ sơ bảo vệ (Lý lịch khoa học, kết quả học tập, biên bản, phiếu đánh giá, minh chứng công trình khoa học (nếu có) trước khi buổi bảo vệ bắt đầu; Công bố lý lịch khoa học, kết quả học tập của học viên và hướng dẫn đánh giá luận án; Viết biên bản cuộc họp; Chỉ phát phiếu đánh giá luận án sau khi các thành viên Hội đồng đã nhận xét và đặt câu hỏi; Công bố biên bản cuộc họp và nghị quyết của Hội đồng nếu được ủy quyền; Kết thúc buổi bảo vệ, bàn giao

lại cho đại diện Khoa Đào tạo sau đại học hồ sơ đã nhận (Gồm 07 bản nhận xét, các phiếu đánh giá luận án của thành viên Hội đồng tham dự và biên bản, Quyết nghị của Hội đồng phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng).

Các ủy viên khác có trách nhiệm đánh giá luận án khách quan, đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến về những kết quả đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được, những điểm cần bổ sung sửa chữa.

- Các thành viên Hội đồng không phải là người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của nghiên cứu sinh; không là cán bộ cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh;

- Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường;

c) Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày. Các thành viên phản biện của Hội đồng phải đọc luận án, các công trình khoa học của nghiên cứu sinh, viết và gửi nhận xét cho Khoa Đào tạo sau đại học trước phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án ít nhất là 7 ngày. Các thành viên còn lại của Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

d) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- Vắng mặt từ 02 thành viên Hội đồng trở lên;

e) Phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở là một buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn, được tổ chức để các thành viên đơn vị chuyên môn và những người quan tâm có thể tham dự. Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở tổ chức từ một đến nhiều phiên họp khi luận án vẫn còn những điểm cần sửa chữa, bổ sung. Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung.

f) Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Trường khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

Điều 15. Phản biện độc lập luận án

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của nghiên cứu sinh được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường. Chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm nghiên cứu sinh hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được Hội đồng cấp cơ sở thông qua, Trường phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho nghiên cứu sinh; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 4 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Quy trình phản biện độc lập: Trường Khao Đào tạo sau đại học lập danh sách 5 nhà khoa học hoặc chuyên gia có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 5 của Quy chế này trình Hiệu trưởng, Hiệu trưởng sẽ thực hiện bốc thăm ngẫu nhiên chọn ra 02 phản biện độc lập để gửi luận án.

3. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp nghiên cứu sinh về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án.

4. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, Trường gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, Trường yêu cầu nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

5. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu nghiên cứu sinh cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập thuộc trách nhiệm của Trường. Những ý kiến giải trình của nghiên cứu sinh được gửi cho Trường và trình bày tại buổi bảo vệ luận án.

Điều 16.. Đánh giá luận án cấp Trường

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ để được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường:

a) Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;

b) Đạt quy trình phản biện độc lập;

c) Tuân thủ quy định của Trường về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của nghiên cứu sinh và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của luật sở hữu trí tuệ.

2. Việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án của Trường bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng tối thiểu có 07 người, trong đó, số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên ngoài Trường tối thiểu là 02 người;

b) Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, các ủy viên phản biện và ủy viên khác, trong đó có 01 phản biện là người của Trường và 02 phản biện là người ngoài Trường; phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Trường; 01 người hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên;

c) Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 5 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

d) Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng.

3. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của nghiên cứu sinh đạt quy trình phản biện độc lập, Trường phải tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh do Trường quyết định bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi đánh giá luận án; Tóm tắt luận án; Toàn văn luận án; Trang thông tin đóng góp mới của luận án được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo và (trừ trường hợp đánh giá luận án theo chế độ mật);

b) Không tổ chức buổi đánh giá luận án khi thành viên Hội đồng có mặt dưới 06 người;

c) Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án do Trường thực hiện; nghiên cứu sinh và người hướng dẫn không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

4. Hội đồng phải bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông

qua. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn. Diễn biến của buổi đánh giá luận án được ghi biên bản.

5. Quy định chi tiết việc đánh giá luận án trong đó bao gồm: yêu cầu đối với nghiên cứu sinh trước khi đánh giá luận án; quy trình thành lập Hội đồng đánh giá luận án, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng; việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đối với Hội đồng cấp Trường được thực hiện giống quy định của Hội đồng cấp cơ sở.

Điều 17. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Trường phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo minh chứng và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài luận án được xác định là mật phải đáp ứng những yêu cầu chung đối với nghiên cứu sinh, riêng các yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 14 của Quy chế này có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được Trường xác nhận.

3. Luận án và tài liệu liên quan thực hiện theo quy định bảo mật của pháp luật.

Điều 18. Đánh giá lại luận án tại Trường

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án của Trường thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, Trường quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

3. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

4. Kinh phí tổ chức đánh giá lại luận án do nghiên cứu sinh tự túc chi trả.

Điều 19. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án của Trường đồng ý thông qua;

b) Nghiên cứu sinh đã nộp cho Trường (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận

của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Trường.

2. Trường đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của Trường (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Trường tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

4. Trường lập hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án cấp Trường;

b) Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án của Trường;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án (nếu có);

đ) Những tài liệu khác theo quy định của Trường.

5. Trường thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

CHƯƠNG V

KIỂM TRA HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN

Điều 20. Nguyên tắc chọn kiểm tra, thẩm định và quy trình thực hiện

1. Việc kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo, thẩm định chất lượng luận án do Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Kiểm tra, thẩm định ngẫu nhiên theo yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này và những quy định có liên quan;

b) Kiểm tra, thẩm định đối với những trường hợp cụ thể khi có phản ánh, khiếu nại hoặc tố cáo.

2. Danh mục hồ sơ kiểm tra, thẩm định:

a) Kiểm tra quá trình đào tạo: Hồ sơ dự tuyển và quyết định công nhận nghiên cứu sinh; hồ sơ buổi đánh giá luận án tại Trường; hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ;

b) Thẩm định chất lượng luận án: Luận án tiến sĩ; tóm tắt luận án tiến sĩ; bản sao các công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Quy trình kiểm tra, thẩm định:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần kiểm tra quá trình đào tạo hoặc thẩm định chất lượng luận án trên cơ sở báo cáo định kỳ của Trường;

b) Trường gửi 01 bộ hồ sơ đối với kiểm tra quá trình đào tạo hoặc 03 bộ hồ sơ đối với thẩm định chất lượng luận án về Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra, thẩm định và có văn bản thông báo kết quả với Trường trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 21. Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định

1. Kết quả kiểm tra, thẩm định đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do Trường cung cấp đủ minh chứng bảo đảm việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và quy trình tổ chức đánh giá luận án đáp ứng yêu cầu của Trường được áp dụng cho nghiên cứu sinh theo quy định;

b) Chất lượng luận án được tối thiểu 02 trong 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, với chuyên môn phù hợp, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh thẩm định và có ý kiến đồng ý về chuyên môn.

2. Kết quả kiểm tra, thẩm định không đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do Trường cung cấp không đủ minh chứng đáp ứng những quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án theo Quy chế này và quy chế của Trường được áp dụng cho nghiên cứu sinh;

b) Chất lượng luận án không được 02 trong 03 nhà khoa học thẩm định đồng ý về chuyên môn.

3. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, Trường có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành.

4. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án để xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án; ủy quyền Trường tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Hội đồng thẩm định có 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 03 thành viên không là phản biện độc lập hoặc thành viên Hội đồng đánh giá luận án; những nhà khoa học thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là thành viên đương nhiên của Hội đồng;

c) Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này;

d) Hội đồng thẩm định luận án chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;

đ) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng thẩm định luận án có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, Trường tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của cả hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

5. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, Trường xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, Trường cho phép nghiên cứu sinh bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 06 tháng;

b) Nếu nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận nghiên cứu sinh và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Trường; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Quy chế này; luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này.

6. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, Trường có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Ban hành và thực hiện quy chế của Trường

1. Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục - đào tạo và những quy định hiện hành khác có liên quan, Trường có trách nhiệm:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế của Trường.

b) Thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

c) Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 41 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

d) Tăng cường liên chính học thuật; giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; xây dựng chế tài, nghiêm túc xử lý khi có vi phạm; bảo đảm tính trung thực của nội dung những luận án tiến sĩ được đánh giá tại Trường.

đ) Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

e) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho nghiên cứu sinh trước khi bắt đầu khóa học quy chế của Trường và những quy định liên quan khác đến quá trình học tập, nghiên cứu; quy định về quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh;

g) Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế của Trường và các nhiệm vụ khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo và cấp bằng ở trình độ tiến sĩ; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

2. Trường thực hiện giải trình theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin.

1. Trường có trách nhiệm:

a) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của nghiên cứu sinh; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp văn bằng của nghiên cứu sinh theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, Trường báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách nghiên cứu sinh đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án của Trường trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục III); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (theo mẫu tại Phụ lục IV) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Trường công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

a) Quy chế của Trường và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ;

b) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định.

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc tổ chức đào tạo đối với những khóa đã tuyển sinh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trường áp dụng khoản 2 Điều 5; điểm c và điểm d khoản 1 Điều 20 của Quy chế này đối với khóa đã tuyển sinh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.



PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Quyết định số 351/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Hà Nội)

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Đối tượng	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	Nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ	Các học phần bắt buộc và học phần tự chọn	13 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
		Viết 03 chuyên đề	9 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
	Nghiên cứu sinh có bằng Đại học	Các học phần bắt buộc và học phần tự chọn	13 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
		Các học phần bắt buộc và học phần tự chọn bổ sung đối với NCS có bằng Đại học	15 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
Năm thứ 2	Nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ	Tiểu luận tổng quan	3 tín chỉ	Tổng hợp các tài liệu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu xây dựng được Tổng quan về vấn đề nghiên cứu
		Thực hiện phần 1 của Luận án	20 tín chỉ	Thực hiện được phần 1
	Nghiên cứu sinh có bằng Đại học	Các học phần bắt buộc và học phần tự chọn bổ sung đối với NCS có bằng Đại học	15 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
		Viết 03 Các chuyên đề	9 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
Năm thứ 3	Nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ	Thực hiện phần 2 và phần 3 (nếu có) của Luận án	35 tín chỉ	- Thực hiện được phần 2 và phần 3 (nếu có) - Công bố bài báo khoa học - Bảo vệ Luận án (Đối với NCS có bằng Thạc sĩ)
	Nghiên cứu sinh có bằng	Thực hiện phần 1 của Luận án	20 tín chỉ	Thực hiện được mục tiêu nghiên cứu 1

	Đại học			
Năm thứ 4	Đối với NCS có bằng Đại học	Thực hiện phần 2 và phần 3 (nếu có) của Luận án	35 tín chỉ	- Thực hiện được phần 2 và phần 3 (nếu có) - Công bố bài báo khoa học - Bảo vệ Luận án (Đối với NCS có bằng Đại học)

Lưu ý: Kế hoạch cụ thể của nghiên cứu sinh được xây dựng căn cứ vào quy định của Trường Đại học Sư phạm học Thể dục thể thao Hà Nội về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 351/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Hà Nội)

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên

7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên
---	--	--	------------------

PHỤ LỤC III
MẪU BÁO CÁO
DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH BẢO VỆ THÀNH CÔNG LUẬN ÁN
CÁC THÁNG TRONG NĂM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ THÀNH CÔNG
LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(Tháng năm)

TT	Họ và tên NCS	Quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	Ngày bảo vệ cấp trường, viện	Kết quả bảo vệ	Ghi chú
1							

Hiệu trưởng
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC IV

MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ...tháng... năm...

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH NĂM

I. Danh sách nghiên cứu sinh học tập, nghiên cứu trong năm...

STT ¹	Họ và tên NCS	Ngày sinh	Giới tính	Mã số CCCD/Hộ chiếu	Quốc tịch	Khoá đào tạo ²	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên người hướng dẫn độc lập hoặc đồng hướng dẫn 1		Tên người đồng hướng dẫn 2 (nếu có)		Đơn vị công tác của người hướng dẫn ngoài cơ sở	Tên đề tài luận án	Ngành, mã số	Tên đề tài luận án sau khi điều chỉnh (nếu có)	Số, ngày quyết định công nhận học vị tiến sĩ
								Công tác tại cơ sở đào tạo	Công tác ngoài cơ sở đào tạo	Công tác tại cơ sở đào tạo	Công tác ngoài cơ sở đào tạo					
1								x								
2											x					

II. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn NCS

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Chức danh khoa học (GS /PGS)	Trình độ	Mã số CCCD/Hộ chiếu	Số lượng NCS đang hướng dẫn	Số lượng công bố khoa học trong vòng 05 năm ³	Thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ	Danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú hoặc Nghệ sĩ Nhân dân
1											
2											

III. Danh sách các đề tài nghiên cứu khoa học của Trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội gắn với hoạt động đào tạo NCS

STT	Tên đề tài	Cấp phê duyệt	Thời gian thực hiện	Tên NCS tham gia

IV. Tồn tại, hạn chế (nếu có)

V. Nguyên nhân và giải pháp khắc phục

VI. Kiến nghị của Trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội

Hiệu trưởng
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC V

CẤU TRÚC VÀ HÌNH THỨC CỦA LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Luận án tiến sĩ là cơ sở để Hội đồng đánh giá kết quả của luận án. Luận án được in trên một mặt giấy khổ A4 (210x297mm), có khối lượng 100 - 150 trang (không bao gồm mục lục, phụ lục) trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Luận án phải đóng thành quyển theo quy định.

1. Cấu trúc của luận án tiến sĩ

Cấu trúc của luận án bao gồm các phần và các chương sau:

- Trang bìa (Mẫu 1)
- Trang bìa phụ (Mẫu 2)
- Lời cam đoan
- Mục lục (mục lục các nội dung của luận án, chi tiết đến 3 chữ số)
- Danh mục các chữ viết tắt (danh mục các từ viết tắt theo thứ tự ABC).
- Danh mục bảng, biểu, hình vẽ, đồ thị (các bảng, biểu, hình vẽ, đồ thị theo trình tự xuất hiện trong luận án).
 - Phần mở đầu: lý do lựa chọn đề tài, mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, giả thuyết khoa học, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.
 - Chương I. Tổng quan các vấn đề nghiên cứu: Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, là cơ sở cho việc xác định nội dung và phương pháp nghiên cứu.
 - Chương II. Đối tượng, phương pháp và tổ chức nghiên cứu: Trình bày đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án; Tên và nội dung các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án, bố trí, sử lý số liệu của thực nghiệm và việc vận dụng các phương pháp này vào đề tài nghiên cứu; Thời gian, địa điểm nghiên cứu, kế hoạch nghiên cứu
 - Chương III. Nội dung, kết quả nghiên cứu và bàn luận (một hặc nhiều chương)
Trình bày kết quả nghiên cứu đạt được của luận án (cơ sở lý thuyết, lý luận, thực trạng và giải pháp, kết quả nghiên cứu và bàn luận)
 - Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận về các nội dung nghiên cứu đã thực hiện; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo.
 - Danh mục các công trình đã công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án: liệt kê các bài báo, công trình đã công bố của nghiên cứu về nội dung đề tài luận án theo trình tự thời gian công bố và trong thời gian đào tạo tiến sĩ.

- Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án: chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập tới để bàn luận trong luận án.

- Phụ lục (nếu có)

2. Hình thức trình bày của luận án

Luận án phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, không được tẩy xóa, có đánh số trang, số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị, sơ đồ

2.1. Soạn thảo văn bản

- Luận án sử dụng chữ Times New Roman, cỡ chữ 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ

- Dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines.

- Lề: lề trên 2,5 cm; lề dưới 2,0 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 1,5 cm.

- Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy.

2.2. Tiêu mục

Các tiêu mục được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm 4 chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ 3.1.2.1. chỉ tiêu mục 1 nhóm tiêu mục 2 mục 1 chương 3).

Tại mỗi nhóm tiêu mục phải có ít nhất hai tiêu mục, nghĩa là không thể có tiêu mục 2.1.1 mà không có tiêu mục 2.1.2 tiếp theo.

2.3. Bảng biểu, hình vẽ, phương trình

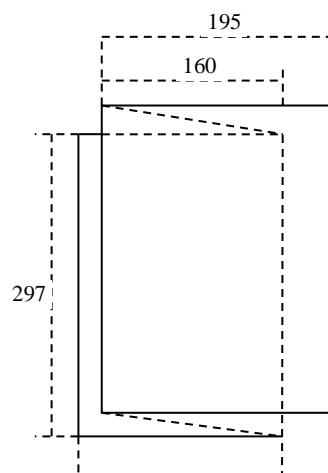
- Việc đánh số bảng, biểu đồ, hình vẽ, phương trình phải gắn với số chương; ví dụ Hình 3.4 có nghĩa là hình thứ 4 trong chương 3.

- Mọi bảng, biểu đồ, hình vẽ ... lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ. Nguồn trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục tài liệu tham khảo. Đầu đề của bảng ghi phía trên bảng; Đầu đề của ảnh, biểu đồ và hình vẽ, phương trình ghi phía dưới của chúng.

- Những bảng ngắn và đồ thị nhỏ phải đi liền với nội dung đề cập tới các bảng và đồ thị này ở lần thứ nhất. Các bảng dài có thể để ở những trang riêng nhưng cũng phải tiếp theo ngay phần nội dung đề cập tới bảng này ở lần đầu tiên và không đánh số trang.

- Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang thì khổ giấy đầu bảng là lề trái của trang.

- Các bảng rộng hơn khổ giấy A4 vẫn nôm trình bày theo chiều dài đứng 297cm của trang giấy, chiều rộng của trang giấy có thể hơn 210 mm. Chú ý gấp lại trang này như minh họa ở Hình 1 sao cho số và đầu đề của hình vẽ hoặc bảng vẫn có thể nhìn thấy ngay mà không cần mở rộng tờ giấy. Cách làm này cũng giúp để tránh bị đóng vào gáy của luận án phần mép gấp bên trong hoặc xén rời mất phần mép gấp bên ngoài. Tuy nhiên, nên hạn chế sử dụng các bảng quá rộng này.



Hình1. Cách gấp trang giấy rộng hơn 210mm

- Đối với những trang giấy có chiều đứng hơn 297 mm (bản đồ, bản vẽ ...), thì có thể để trong một phong bì cứng dính bên trong bìa sau luận án.

- Trong luận án, khi cập đến biểu đồ và hình vẽ phải nêu rõ số của hình và bảng biểu đó, ví dụ "... được nêu trong bảng 3.1 hoặc xem hình 3.2..." mà không được viết "... được nêu trong bảng dưới đây "hoặc" trong thị đồ của X và Y sau ".

- Việc trình bày phương trình toán học trên một dòng đơn hoặc dòng kép thì tùy ý, tuy nhiên phải hệ thống nhất trong toàn luận án. Khi ký hiệu xuất hiện lần đầu tiên thì phải giải thích và đơn vị tính phải đi kèm ngay trong phương trình có ký hiệu đó. Nếu cần thiết, danh mục của tất cả các ký hiệu, chữ viết tắt và nghĩa của chúng cần được liệt kê ở phần đầu của luận án. Tất cả các phương trình cần được đánh số và để trong ngoặc đơn đặt bên phía lề phải. Nếu một nhóm phương trình mang cùng một số thì những số này cũng được để trong ngoặc, hoặc mỗi phương trình trong nhóm phương trình (5.1) có thể được đánh số là (5.1.1), (5.1.2), (5.1.3)

2.4. Viết tắt: Không lạm dụng việc viết tắt trong luận án, chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong luận án, không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề ; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong luận án. Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên cơ quan, tổ chức... thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu luận án

2.5. Tài liệu tham khảo và cách trích dẫn

Mọi ý kiến, khái niệm có ý nghĩa, mang tính chất gợi ý không phải là của riêng tác giả và mọi tham khảo khác mọi tham khảo khác phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục tài liệu tham khảo của luận án. Phải nêu rõ cả việc sử dụng những đề xuất hoặc kết quả của đồng tác giả. Nếu sử dụng tài liệu của người khác và của đồng tác giả (bảng biểu, hình vẽ, công thức, đồ thị, phương trình, ý tưởng ...) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án sẽ không được duyệt để bảo vệ.

Không trích dẫn những kiến thức biến phổ biến, mọi người đều biết cũng như không làm luận án nặng nề với những tham khảo trích dẫn. Việc trích dẫn, tham khảo chủ yếu

nhằm thừa nhận nguồn của những ý tưởng có giá trị và giúp người đọc theo được mạch suy nghĩ của tác giả, không làm việc trở ngại việc đọc.

Nếu không có điều kiện tiếp cận được một tài liệu gốc mà phải trích dẫn thông qua một tài liệu khác thì phải nêu rõ cách trích dẫn này, đồng thời tài liệu gốc đó không được liệt kê trong danh mục tài liệu tham khảo của luận án.

Khi cần trích dẫn một đoạn ít hơn hai câu hoặc bốn dòng đánh máy thì có thể sử dụng dấu hoặc ngoặc kép để mở đầu và kết thúc phần trích dẫn. Nếu cần trích dẫn dài hơn, thì phải tách phần này thành một đoạn riêng khỏi phần nội dung đang trình bày, với phần lề trái lùi vào thêm 2 cm. Khi này mở đầu và kết thúc đoạn trích này không phải sử dụng kép dấu ngoặc kép.

- Việc trích dẫn là theo số thứ tự của tài liệu ở danh mục Tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ [15, tr.314-315]. Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ [19], [25], [41], [42].

- Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật ...). Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch, kể cả tài liệu bằng tiếng Trung Quốc, Nhật ... (đối với những tài liệu bằng ngôn ngữ ít người biết có thể thêm phần dịch tiếng Việt đi kèm theo tài liệu)

- Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC họ tên tác giả theo thông lệ từng nước:

+ Tác giả là người nước ngoài: xếp thứ tự ABC theo họ.

+ Tác giả là người Việt Nam: xếp thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ.

+ Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm, ví dụ: Tổng cục TDTT xếp vào vần T, Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp vào vần B, ...

- Tài liệu tham khảo là **Sách, luận văn, luận án, báo cáo** phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

+ Tên các tác giả hoặc cơ quan ban hành (in đậm, không có dấu ngăn cách)

+ (Năm xuất bản), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)

+ *Tên sách, luận án hoặc báo cáo*, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)

+ Nhà xuất bản, (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản)

+ Nơi xuất bản. (dấu chấm kết thúc tài liệu tham khảo)

- Tài liệu tham khảo là **bài báo trong tạp chí, bài trong một cuốn sách...** phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

+ Tên các tác giả hoặc cơ quan ban hành (in đậm, không có dấu ngăn cách)

+ (Năm xuất bản), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)

+ « Tên bài báo », (đặt trong ngoặc kép, in thẳng, dấu phẩy sau ngoặc kép)

- + Tên tạp chí, tên sách, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- + Tập (không có dấu ngăn cách)
- + (Số), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- + Các số trang (gạch ngang giữa hai chữ số, dấu chấm kết thúc).

- Nếu tài liệu dài hơn 1 dòng thì nên trình bày sao cho từ dòng thứ hai thẳng hàng với dòng thứ nhất.

- Dưới đây là ví dụ về cách trình bày tài liệu tham khảo :

Tài liệu Tiếng Việt

1. Nguyễn Ngọc Anh (2016), *Nghiên cứu sự biến đổi chức năng tâm sinh lý và thể lực của nam vận động viên Pencak Silat đội tuyển quốc gia dưới tác động của hệ thống bài tập sức bền chuyên môn trong chu kỳ huấn luyện năm*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học Thể dục thể thao, Hà Nội

2. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện hội nghị lần thứ VII, Ban chấp hành trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr 12-17

3. Lê Bửu, Nguyễn Thế Truyền (1991), *Lý luận và phương pháp thể thao trẻ*, Nxb TDTT, Thành phố HCM, tr. 31 - 48.

4. Lưu Quang Hiệp, Nguyễn Thanh Nhân (2000), “Đặc điểm phát triển thể chất của học sinh phổ thông trung học miền Bắc Việt Nam lứa tuổi 16 - 18 vào những năm cuối thế kỷ XX”, *Tuyển tập nghiên cứu khoa học TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội, tr 204 - 211.

.....
 55. Trần Kim Tuyền (2009), *Nghiên cứu sự biến đổi hình thái, chức năng, các tổ chức vận động của nam vận động viên Pencak Silat trẻ quốc gia giai đoạn chuyên môn hóa trong chương trình huấn luyện năm*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Thể dục thể thao, Hà Nội.

Tài liệu Tiếng Anh

68. Canney I (1982), *Health and Fitness in the martial arts*, Charles E Tuttle company, Rutland - Vermonto.

69. Horst Rothert D. R, Willi Tepper (1988), *Manual of basic holds in wrestling for children*, Lausanne, p. 26 - 87.

Tài liệu Tiếng Trung

80. 李山 (2004)- 现代力量训练分期理论研究 - 第七届全国体育科学大会论文摘要汇编 - 中国体育科学学会 - 第2卷 - 第702页.

81. 马尔宁 (2001)- 浅谈青少年业余摔跤运动员的力量训练 - 内蒙古体育科技季刊) - 第14卷 - 第30、31页.

2.6. Danh mục các công trình đã công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án:

Liệt kê các bài báo, công trình đã công bố có liên quan đến kết quả nghiên cứu của luận án. Nếu công trình đã công bố có đồng tác giả thì phải được sự đồng ý của đồng tác giả và ghi tên các tác giả đó trong danh mục công trình khoa học đã công bố. Cách trình bày như trình bày tài liệu tham khảo, ghi đầy đủ thông tin tên tác giả, năm xuất bản, tên bài báo, tên tạp chí, tập, số, số trang của bài báo trên tạp chí.

2.7. Phụ lục: Phần này bao gồm những nội dung chi tiết nhằm minh họa hoặc hỗ trợ cho nội dung luận án như số liệu, mẫu biểu khảo sát, câu hỏi phỏng vấn, bảng tổng hợp kết quả khảo sát ... Nếu luận án sử dụng những câu trả lời cho một bản câu hỏi, mẫu này phải được đưa vào phần phụ lục ở dạng nguyên bản đã điều tra, thăm dò ý kiến, không được tóm tắt hoặc sửa đổi. Số trang của Phụ lục không được nhiều hơn số trang của phần chính của luận án.

• Tóm tắt luận án

Tóm tắt luận án được trình bày theo trình tự của luận án, phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Tóm tắt luận án không quá 24 trang (in cả 2 mặt giấy, khổ 140x210 mm), font chữ Time New Roman, cỡ chữ 11-12, paragraph 1.1-1.3 lines. Lề trên, dưới, trái, phải đều là 2cm. Cuối bản tóm tắt luận án là danh mục các công trình đã công bố trong thời gian đào tạo tiến sĩ của NCS có liên quan đến đề tài luận án với đầy đủ thông tin về tên tác giả, năm xuất bản, tên bài báo, tên tạp chí, tập, số, số trang của bài báo trên tạp chí. Danh mục này in trên trang bìa 3 của tóm tắt luận án.

Mẫu trang bìa tóm tắt luận án:

- Trang bìa 1 (Mẫu 3)
- Trang bìa 2 (Mẫu 4)
- Trang bìa 3 (Mẫu 5)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
(IN HOA, Times New Roman, Bold 14)

HỌ VÀ TÊN NGHIÊN CỨU SINH
(IN HOA, Times New Roman, Bold 15)

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN
(IN HOA, Times New Roman, Bold 15)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC
(IN HOA, Times New Roman, Bold 16)

HÀ NỘI – 20...
(IN HOA, Times New Roman, Bold 14)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
(IN HOA, Times New Roman, Bold 14)

HỌ VÀ TÊN NGHIÊN CỨU SINH
(IN HOA, Times New Roman, Bold 15)

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN
(IN HOA, Times New Roman, Bold 15)

Ngành: Giáo dục học

Mã số: 9140101

(Times New Roman, Bold 15)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC
(IN HOA, Times New Roman, Bold 16)

Cán bộ hướng dẫn khoa học:

1. Học hàm, học vị, Họ và tên
 2. Học hàm, học vị, Họ và tên
- (Times New Roman, Bold 15)*

HÀ NỘI – 20..
(IN HOA, Times New Roman, Bold 14)

Mẫu 3. Trang bìa 1 của tóm tắt luận án (khổ 140x200 mm)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI**

HỌ VÀ TÊN NGHIÊN CỨU SINH

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Ngành: Giáo dục học

Mã số: 9140101

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

HÀ NỘI – 20..

Mẫu 4. Trang bìa 2 của tóm tắt luận án (khổ 140x200 mm)

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

1.

2.

(Ghi rõ họ tên, chức danh khoa học, học vị)

Phản biện 1:

Phản biện 2:.....

Phản biện 3:.....

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

Họp tại: Trường Đại học sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội

Vào hồi:.....giờ.....ngày..... tháng..... năm ...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

1. Thư viện Quốc gia

2. Thư viện trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội

Mẫu 5. Trang bìa 3 của tóm tắt luận án (khổ 140x200 mm)

DANH MỤC

CÁC BÀI BÁO ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Lưu ý: Mỗi bài báo cần ghi đầy đủ các thông tin: tên tác giả/các tác giả, năm xuất bản, tên bài báo, tên tạp chí khoa học/kì yếu hội thảo quốc tế, tập, số, số trang của bài báo trên tạp chí. Trường hợp NCS là đồng tác giả của bài báo, cần có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác.

